

Bản án số: 01/2024/DS-ST

Ngày: 30-7-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Ngoan;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Tấn Vũ;

2. Ông Lê Hòa Hiệp.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Văn Ngãi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi và điểm cầu thành phần Hội trường Ủy ban nhân dân xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số 03/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST- DS ngày 01 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V- chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N; người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Ngọc T- chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B Quảng Ngãi (Theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án); người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thế V- chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi (Theo Quyết định số 04/QĐ-NHNo.BT ngày 16/01/2023 của Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án); địa chỉ trụ sở:

Số 266 đường P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Thôn N, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ tạm trú: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

*1. Những người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần Hội trường Ủy ban nhân dân xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi:*

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Trinh.

Thư ký Tòa án: Ông Trương Công Bình.

*2. Những người tham gia tố tụng tại điểm cầu thành phần Hội trường Ủy ban nhân dân xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi:*

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V- chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N; người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Ngọc T- chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B Quảng Ngãi (Theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án); người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thế V- chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi (Theo Quyết định số 04/QĐ-NHNo.BT ngày 16/01/2023 của Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án); địa chỉ trụ sở: Số 266 đường P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Thôn N, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ tạm trú: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

(Ông V có mặt tại phiên tòa; ông T vắng mặt không có lý do).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ghi ngày 30/11/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng N ông Nguyễn Thế V trình bày:*

Vào ngày 06/9/2021 ông Lê Văn T ký hợp đồng tín dụng số 4509LAV202101300 với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi vay số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng), mục đích vay: sửa chữa nhà, thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất vay: 11%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, vay không có tài sản bảo đảm. Ông T đã nhận số tiền vay nêu trên.

Từ ngày 06/9/2021 đến ngày 29/3/2024 ông T đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 30.000.000 đồng, từ ngày 06/9/2021 đến ngày 29/9/2022 ông T đã

trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi là 18.247.342đồng. Từ sau ngày 29/9/2022 cho đến nay, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng và từ sau ngày 29/3/2024 cho đến nay, ông T cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/7/2024 là 160.245.365đồng, trong đó, nợ gốc: 130.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 28.713.013đồng, nợ lãi quá hạn: 1.532.352 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4509LAV202101300 ngày 06/09/2021, kể từ ngày 31/7/2024 cho đến ngày thực tế ông Lê Văn T trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N.

*\* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng đến nay ông Lê Văn T vẫn không có ý kiến gì. Do đó, Tòa án không có cơ sở để đánh giá ý kiến của ông T.*

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 351, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/7/2024 là 160.245.365đồng, trong đó, nợ gốc: 130.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 28.713.013đồng, nợ lãi quá hạn: 1.532.352đồng. Kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2024 ông Lê Văn T phải tiếp tục trả lãi của Hợp đồng tín dụng số 4509LAV 202101300 ngày 06/09/2021 cho Ngân hàng N theo lãi suất trên số dư nợ gốc như quy định tại Hợp đồng tín dụng số 4509LAV 202101300 ngày 06/09/2021 cho đến ngày trả hết nợ gốc.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Văn T, địa chỉ thường trú: Thôn N, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ tạm trú: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; mặt khác nguyên đơn Ngân hàng N và bị đơn ông Lê Văn T thống nhất giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền nơi đóng trụ sở của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Bị đơn ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Qua các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có căn cứ xác định: Ngày 06/9/2021 Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi cho ông Lê Văn T vay số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng), thể hiện tại hợp đồng tín dụng số 4509LAV202101300. Mục đích vay: sửa chữa nhà, thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất vay: 11%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, vay không có tài sản bảo đảm. Ngân hàng đã giải ngân cho ông T số tiền nêu trên, thể hiện tại phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ kèm theo hợp đồng tín dụng số 4509LAV202101300.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 06/9/2021 đến ngày 29/3/2024 ông T đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 30.000.000 đồng, từ ngày 06/9/2021 đến ngày 29/9/2022 ông T đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi là 18.247.342 đồng. Từ sau ngày 29/9/2022 cho đến nay, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng và từ sau ngày 29/3/2024 cho đến nay, ông T cũng không thực hiện được việc thanh toán số tiền nợ gốc như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, ông T còn nợ số tiền gốc: 130.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính từ ngày 30/9/2022 đến ngày 30/7/2024 là 30.245.365 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 30/7/2024 ông T còn nợ Ngân hàng N là 160.245.365 đồng. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chỉ yêu cầu cá nhân ông T phải trả nợ cho Ngân

hàng và không liên quan đến cá nhân nào khác, nên xác định nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N là của ông Lê Văn T.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, buộc ông Lê Văn T phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc là 130.000.000đồng, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến hết ngày 30/7/2024 là 30.245.365đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4509LAV202101300 ngày 06/9/2021 kể từ ngày 31/7/2024 cho đến ngày ông Lê Văn T trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí; ông Lê Văn T phải chịu 160.245.365đồng X 5%= 8.012.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 357, 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Lê Văn T phải trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 30/7/2024 là 160.245.365đồng (*Một trăm sáu mươi triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, ba trăm sáu mươi lăm đồng*), trong đó, nợ gốc: 130.000.000đồng, nợ lãi trong hạn: 28.713.013đồng, nợ lãi quá hạn: 1.532.352đồng.

Kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2024 ông Lê Văn T phải tiếp tục trả lãi của Hợp đồng tín dụng số số 4509LAV 202101300 ngày 06/09/2021 cho Ngân hàng N theo lãi suất trên số dư nợ gốc như quy định tại Hợp đồng tín dụng số số 4509LAV 202101300 ngày 06/09/2021 cho đến ngày trả hết nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Ngân hàng N không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 4.095.000đồng (*Bốn triệu không trăm chín mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000324 ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Lê Văn T phải chịu số tiền 8.012.000đồng (*Tám triệu không trăm mười hai ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/7/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Văn Ngoan**